BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Số: 427 /QĐ-ĐHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 04 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành danh sách các học phần/môn học thay thế

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 945/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4811/QĐ-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 744/QĐ-ĐHCN ngày 19 tháng 08 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học;

Xét đề nghị của Trưởng các đơn vị đào tạo, Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này danh sách bổ sung các học phần/môn học thay thế (danh sách kèm theo) thuộc các chương trình đào tạo trình độ Đại học, Cao đẳng của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

Điều 2. Danh sách bổ sung các học phần/môn học thay thế tại Điều 1 này được bổ sung thêm vào danh sách kèm theo Quyết định số 454/QĐ-ĐHCN ngày 10 tháng 05 năm 2019, để sử dụng trong quá trình tổ chức, quản lý đào tạo của Nhà trường.

Điều 3. Các Ông(Bà) Trưởng phòng, Trưởng đơn vị quản lý đào tạo, giảng viên và sinh viên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Phạm Văn Bổng

DANH MỤC CÁC HỌC PHẦN THAY THẾ

(Kèm theo Quyết định: 427/QĐ-ĐHCN ngày 27/04/2022)

TT	Đơn vị quản lý học phần	Mã Học phần	Tên Học phần	Số tín chỉ	Học phần thay thế	Ghi chú
1	Khoa Công nghệ Hóa	039301	Hoá học môi trường (CT CLC)	2.0	CT6082-Hóa môi trường	
2	Khoa Công nghệ Hóa	0303121	Công nghệ thủy tinh vật liệu chịu lửa	3.0	CT6024-Công nghệ gốm sứ	
3	Khoa Công nghệ Hóa	0303127	Dụng cụ đo	2.0	CT6137-Tin học ứng dụng trong hóa học	
4	Khoa Công nghệ Hóa	0303128	Đa dạng sinh học	2.0	CT6135-Sinh học môi trường	
5	Khoa Công nghệ Hóa	0303165	Mạng lưới cấp nước	2.0	CT6135-Sinh học môi trường	
6	Khoa Công nghệ Hóa	0303166	Mạng lưới thoát nước	2.0	CT6135-Sinh học môi trường	
7	Khoa Công nghệ Hóa	0303169	Mô phỏng trong công nghệ hóa	2.0	CT6137-Tin học ứng dụng trong hóa học	
8	Khoa Công nghệ Hóa	0303171	Nhập môn công tác kỹ sư (Nhóm ngành công nghệ Hóa - Môi trường)	2.0	CT6108-Nhập môn về kỹ thuật	
9	Khoa Công nghệ Hóa	0303186	Quản lý và xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học	2.0	CT6071-Hệ thống quản lý, an toàn và vệ sinh môi trường	
10	Khoa Công nghệ Hóa	0303187	Quy hoạch môi trường	3.0	CT6103-Luật và chính sách môi trường	
11	Khoa Công nghệ Hóa	0303190	Suy thoái và bảo vệ đất	2.0	CT6070-Hệ thống đo lường tự động trong kỹ thuật môi trường	
12	Khoa Công nghệ Hóa	0303207	Xử lý số liệu thực nghiệm trong Kỹ thuật môi trường	2.0	CT6077-Hóa học xanh	
13	Khoa Công nghệ Hóa	0303231	Thực hành kỹ thuật xử lý nước thải.	2.0	CT6159-Thực hành Công nghệ kỹ thuật môi trường 1	
14	Khoa Công nghệ May - TKTT	0403109	Chi phí và giá thành	2.0	AA6002	
15	Khoa Công nghệ May - TKTT	0403112	Đồ án/ khóa luận tốt nghiệp (Ngành Thiết kế thời trang)	7.0	GF60 11	
16	Khoa Công nghệ May - TKTT	0403114	Giác sơ đồ và định mức nguyên liệu	3.0	GF6051	
17	Khoa Công nghệ Ô tô	029301	Động cơ đốt trong (CT CLC)	3.0	AT6044	

38	Khoa Công nghệ Ô tô	0203136	Thực hành kỹ thuật viên điện ô tô	2.0	AT6045	
39	Khoa Công nghệ Ô tô	0203137	Thực hành kỹ thuật viên động cơ ô tô	2.0	AT6034	
40	Khoa Công nghệ thông tin	059301	Các mô hình lập trình tiên tiên (CT CLC)	3.0	IT6024	
41	Khoa Công nghệ thông tin	059306	Đảm bảo chất lương phần mềm	3.0	IT6008	
42	Khoa Công nghệ thông tin	059310	Lập trình hướng đối tượng (Java - CT CLC)	4.0	IT6019	
43	Khoa Công nghệ thông tin	059311	Lập trình mạng (Java - CT CLC)	3.0	IT6020	
44	Khoa Công nghệ thông tin	059312	Lập trình mobile trên android (CT CLC)	3.0	IT6029	
45	Khoa Công nghệ thông tin	059313	Lập trình với hibernate (CT CLC)	3.0	IT6080	
46	Khoa Công nghệ thông tin	059316	Nhập môn tin học (CT CLC)	3.0	IT6011	
47	Khoa Công nghệ thông tin	059317	Phát triển phần mềm theo câu phần (CT CLC)	3.0	IT6030	
48	Khoa Công nghệ thông tin	0503103	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3.0	IT6002	
49	Khoa Công nghệ thông tin	0503105	Công nghệ XML	3.0	IT6034	
50	Khoa Công nghệ thông tin	0503107	Cơ sở dữ liệu đa phương tiện	3.0	0503201	
51	Khoa Công nghệ thông tin	0503110	Cơ sở lập trình nhúng	3.0	IT6007	
52	Khoa Công nghệ thông tin	0503111	Đảm bảo chất lượng phần mềm	4.0	IT6008	
53	Khoa Công nghệ thông tin	0503117	Đồ họa ứng dụng	3.0	0503193	
54	Khoa Công nghệ thông tin	0503122	Hệ hỗ trợ quyết định	3.0	0503204; IT6058	
55	Khoa Công nghệ thông tin	0503123	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu (SQL Server)	3.0	IT6012	
56	Khoa Công nghệ thông tin	0503125	Kiểm thử phần mềm	3.0	IT6084	
57	Khoa Công nghệ thông tin	0503126	Kiến trúc máy tính	3.0	0503188	

78	Khoa Công nghệ thông tin	0503167	Xử lý ảnh	3.0	IT6048, IT6072	
79	Khoa Công nghệ thông tin	0503168	Công nghệ đa phương tiện	4.0	IT6004	
80	Khoa Công nghệ thông tin	0503170	Kỹ thuật số	3.0	IT6016	
81	Khoa Công nghệ thông tin	0503171	Phát triển ứng dụng Game	3.0	IT6028	
82	Khoa Công nghệ thông tin	0503174	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật.	4.0	IT6002	
83	Khoa Công nghệ thông tin	0503175	Lập trình Java	4.0	0503195; IT6019	
84	Khoa Công nghệ thông tin	0503176	Ứng dụng thuật toán	3.0	IT6044	
85	Khoa Công nghệ thông tin	0503177	Nhập môn lập trình máy tính	3.0	IT6027	
86	Khoa Công nghệ thông tin	0503178	Phân tích và đặc tả yêu cầu phần mềm	3.0	IT6097, IT6031	
87	Khoa Công nghệ thông tin	0503179	Lập trình .NET	3.0	IT6017	
88	Khoa Công nghệ thông tin	0503180	Tích hợp hệ thống phần mềm	3.0	IT6034	
89	Khoa Công nghệ thông tin	0503181	Quản trị mạng trên HĐH Windows	3.0	IT6056	
90	Khoa Công nghệ thông tin	0503182	Lập trình Web bằng ASP.NET	3.0	IT6021	
91	Khoa Công nghệ thông tin	0503183	Thiết kế phần mềm	3.0	IT6096	
92	Khoa Công nghệ thông tin	0503184	Lập trình Web bằng PHP	3.0	IT6022	
93	Khoa Công nghệ thông tin	0503185	Quản trị mạng trên HĐH mã nguồn mở	3.0	IT6127	
94	Khoa Công nghệ thông tin	0503187	Phát triển ứng dụng thương mại điện tử	3.0	IT6057	
95	Khoa Công nghệ thông tin	0503188	Kiến trúc máy tính.	3.0	IT6014	
96	Khoa Công nghệ thông tin	0503189	Mạng máy tính.	3.0	IT6023; IT6083	
97	Khoa Công nghệ thông tin	0503190	Trí tuệ nhân tạo.	3.0	IT6043, IT6094, 0503166	

118	Khoa Công nghệ thông tin	IT6045	Lý thuyết đồ thị	3	IT6093	Xử lý tương đương
119	Khoa Công nghệ thông tin	IT6093	Lý thuyết đồ thị	3	IT6045	
120	Khoa Công nghệ thông tin	IT6023	Mạng máy tính	3	IT6083	Xử lý tương đương
121	Khoa Công nghệ thông tin	IT6083	Mạng máy tính	3	IT6023	
122	Khoa Công nghệ thông tin	IT6026	Nhập môn công nghệ phần mềm	3	IT6082	
123	Khoa Công nghệ thông tin	IT6050	Phần mềm tính toán khoa học	3	IT6073	
124	Khoa Công nghệ thông tin	IT6031	Phân tích và đặc tả yêu cầu phần mềm	3	IT6097	
125	Khoa Công nghệ thông tin	IT6076	Phát triển ứng dụng di động đơn nền tảng	3	IT6029	Xử lý tương đương
126	Khoa Công nghệ thông tin	IT6029	Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động	3	IT6076	
127	Khoa Công nghệ thông tin	IT6038	Thiết kế phần mềm	3	IT6096	Xử lý tương đương
128	Khoa Công nghệ thông tin	IT6096	Thiết kế phần mềm	3	IT6038	
129	Khoa Công nghệ thông tin	IT6036	Tối ưu hóa	3	IT6095	Xử lý tương đương
130	Khoa Công nghệ thông tin	IT6095	Tối ưu hóa	3	IT6036	
131	Khoa Công nghệ thông tin	IT6043	Trí tuệ nhân tạo	3	IT6094	Xử lý tương đương
132	Khoa Công nghệ thông tin	IT6094	Trí tuệ nhân tạo	3	IT6043	
133	Khoa Công nghệ thông tin	IT6048	Xử lý ảnh	3	IT6072	Xử lý tương đương
134	Khoa Công nghệ thông tin	IT6072	Xử lý ảnh số và thị giác máy tính	3	IT6048	
135	Khoa Cơ khí	019302	CADD 1 (CT CLC)	3.0	ME6002	
136	Khoa Cơ khí	019304	Công nghệ chế tạo khuôn (CT CLC)	3.0	ME6093	
137	Khoa Cơ khí	019305	Công nghệ chế tạo máy 1 (CT CLC)	4.0	ME6006; ME6084	

158	Khoa Cơ khí	0104101	An toàn và môi trường công nghiệp	2.0	ME6001,MC5006	
159	Khoa Cơ khí	0104102	CAD	3.0	ME6002, ME5016	
160	Khoa Cơ khí	0104104	CAD/CAM	3.0	ME6004	
161	Khoa Cơ khí	0104105	Cảm biến và hệ thống đo lường	3.0	ME6044	
162	Khoa Cơ khí	0104106	Công nghệ bảo trì	3.0	ME6045	
163	Khoa Cơ khí	0104107	Công nghệ CNC	3.0	ME6005	
164	Khoa Cơ khí	0104108	Công nghệ chế tạo máy 1	4.0	ME6006; ME6084	
165	Khoa Cơ khí	0104113	Cơ điện tử 1	4.0	ME5038	
166	Khoa Cơ khí	0104116	Cơ khí đại cương	3.0	ME6047	
167	Khoa Cơ khí	0104117	Cơ lý thuyết	3.0	ME6009	
168	Khoa Cơ khí	0104119	Chi tiết máy	3.0	ME6012	
169	Khoa Cơ khí	0104129	Dung sai và kỹ thuật đo	3.0	ME6014	
170	Khoa Cơ khí	0104140	Đồ gá	2.0	ME6085	
171	Khoa Cơ khí	0104142	Hệ thống tự động thuỷ khí	3.0	ME6022	
172	Khoa Cơ khí	0104143	Hình họa	2.0	ME5032	
173	Khoa Cơ khí	0104144	Kỹ thuật điều khiển chấp hành	3.0	ME6046	
174	Khoa Cơ khí	0104146	Robot công nghiệp	3.0	ME6023	
175	Khoa Cơ khí	0104147	Kỹ thuật tự động hoá	3.0	ME6055	
176	Khoa Cơ khí	0104149	Lý thuyết điều khiển	3.0	ME6048	
177	Khoa Cơ khí	0104150	Máy cắt	3.0	ME6025	

198	Khoa Du lịch	1403121	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	2.0	TO6041	
199	Khoa Du lịch	1403123	Nghiệp vụ kinh doanh lữ hành	3.0	TO6042	
200	Khoa Du lịch	1403124	Nghiệp vụ khách sạn	2.0	TO6026	
201	Khoa Du lịch	1403126	Nhập môn du lịch học	3.0	TO6044	
202	Khoa Du lịch	1403129	Quản trị kinh doanh khách sạn	3.0	TO6026	
203	Khoa Du lịch	1403130	Quản trị kinh doanh lữ hành	2.0	TO6053	
204	Khoa Du lịch	1403136	Tổ chức sự kiện	3.0	TO6059	
205	Khoa Du lịch	1403138	Tuyến điểm du lịch Việt Nam	3.0	TO6061	
206	Khoa Du lịch	1403140	Thực hành hướng dẫn du lịch chuyên biệt	3.0	TO6067	
207	Khoa Du lịch	1403142	Thực hành hướng dẫn du lịch theo tuyến du lịch	5.0	TO6069	
208	Khoa Du lịch	1403143	Thực hành nghiệp vụ Bar và Nhà hàng	3.0	TO6039, FL6420	
209	Khoa Du lịch	1403144	Thực hành nghiệp vụ khách sạn	3.0	TO6033	
210	Khoa Du lịch	1403145	Thực hành nghiệp vụ lữ hành	3.0	TO6042	
211	Khoa Du lịch	1403160	Kỹ năng phỏng vấn	2.0	TO6081	
212	Khoa Du lịch	1403164	Nghi thức Nhà nước	3.0	TO6083	
213	Khoa Du lịch	1403165	Nghiệp vụ lễ tân	2.0	TO6084	
214	Khoa Du lịch	1403177	Tổ chức hoạt động tập thể	2.0	TO6082	
215	Khoa Du lịch	1403179	Thực hành hướng dẫn du lịch tại điểm.	4.0	TO6069	
216	Khoa Du lịch	1404102	Các dân tộc Việt Nam	2.0	TO6006	
217	Khoa Du lịch	1404103	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3.0	TO6001	

238	Khoa Du lịch	1404130	Quản trị kinh doanh lữ hành	2.0	TO6053	
239	Khoa Du lịch	1404136	Tổ chức sự kiện	3.0	TO6059	
240	Khoa Du lịch	1404138	Tuyến điểm du lịch Việt Nam	3.0	TO6061	
241	Khoa Du lịch	1404139	Tham quan tuyến điểm du lịch	1.0	TO6064	
242	Khoa Du lịch	1404141	Thực hành hướng dẫn du lịch tại điểm	3.0	TO6067	
243	Khoa Du lịch	1404142	Thực hành hướng dẫn du lịch theo tuyến du lich	5.0	TO6069	
244	Khoa Du lịch	1404144	Thực hành nghiệp vụ khách sạn	3.0	TO6033	
245	Khoa Du lịch	1404146	Thực tập tốt nghiệp	8.0	TO6070	
246	Khoa Du lịch	1404147	Thực tập tốt nghiệp	8.0	TO6072	
247	Khoa Du lịch	1404150	Marketing du lịch	3.0	TO6035	
248	Khoa Du lịch	1404160	Kỹ năng phỏng vấn	2.0	TO6081	
249	Khoa Du lịch	1404164	Nghi thức Nhà nước	3.0	TO6083	
250	Khoa Du lịch	1404165	Nghiệp vụ lễ tân	2.0	TO6084	
251	Khoa Du lịch	1604154	Thanh toán quốc tế trong du lịch	2.0	TO6065	
252	Khoa Điện	079301	Bảo vệ rơ le và tự động hoá (Điện CLC)	3.0	EE6115-Bảo vệ rơle	
253	Khoa Điện	079302	Công nghệ chê tạo, thiêt kê máy điện và thiết bi điên	2.0	EE6067-Công nghệ chê tạo máy điên	
254	Khoa Điện	079303	Cơ kỹ thuật (Điện)	2.0	ME6009-Cơ học kỹ thuật	
255	Khoa Điện	079304	Cung cấp điện (Điện CLC)	4.0	EE6008-Cung cấp điện	
256	Khoa Điện	079305	Chất lượng điện năng trong các hệ thống cung cấp điên	3.0	EE6009-Chất lượng điện và độ tin cây trong lưới điên phân phối	
257	Khoa Điện	079308	Điện tử công suất (Điện CLC)	3.0	EE6010 - Điện tử công suất	

278	Khoa Điện	079343	Thực tập PLC (Điện CLC)	2.0	EE6055	
279	Khoa Điện	079346	Truyền động điện (Điện CLC)	3.0	EE6064	
280	Khoa Điện	079347	Vận hành hệ thống điện (Điện CLC)	3.0	EE6065-Vận hành lưới điện phân phối	
281	Khoa Điện	079348	Vẽ điện	2.0	EE6067-Vẽ điện	
282	Khoa Điện	079349	Vi điều khiển (Điện CLC)	4.0	EE6069	
283	Khoa Điện	079354	Điều khiển lập trình PLC (CLC)	2.0	EE6033	
284	Khoa Điện	0703101	An toàn điện	2.0	EE6106-An toàn điện	
285	Khoa Điện	0703102	Bảo vệ rơ le và tự động hóa trong hệ thống điện	2.0	EE6115-Bảo vệ rơle	
286	Khoa Điện	0703103	Bơm, quạt, máy nén	2.0	EE6079	
287	Khoa Điện	0703105	Chất lượng điện năng	2.0	EE6009-Chất lượng điện và độ tin cậy trong lưới điện phân phối	
288	Khoa Điện	0703112	Điều khiển lô gíc	2.0	EE6013-Điều khiển logic	
289	Khoa Điện	0703120	Đồ án chuyên môn tự động hóa	2.0	EE6019 Đồ án hệ thông đo lường và điều khiển	
290	Khoa Điện	0703123	Đồ án Điều khiên lô gíc và Trang bị điện	2.0	EE6018-Đồ án điều khiên logic và trang bi điên	
291	Khoa Điện	0703141	Kỹ thuật nhiệt	3.0	EE6034	
292	Khoa Điện	0703148	Mạch điện 1	3.0	EE6039-Mạch điện 1; EE6100-Mạch điên tuyến tính	
293	Khoa Điện	0703149	Mạch điện 2	3.0	EE6040-Mạch điện 2; EE6101-Mạch điên quá đô và phi tuyến	
294	Khoa Điện	0703150	Mạng truyền thông công nghiệp	3.0	EE6029-Hệ thu thập dữ liệu điêu khiển và truyền số liêu	
295	Khoa Điện	0703154	Năng lượng mới và năng lượng tái tạo	2.0	EE6044-Năng lượng tái tạo	
296	Khoa Điện	0703155	Nhà máy điện và trạm biến áp	2.0	EE6065-Vận hành lưới điện phân phối	
297	Khoa Điện	0703158	Tiết kiệm năng lượng	3.0	EE6030-Kỹ thuật chiếu sáng	

318	Khoa Điện	0704172	Thực hành lắp đặt sửa chữa máy lạnh dân dung	3.0	EE5011	
319	Khoa Điện	0704182	Trang bị điện	3.0	JC5087-Trang bị điện	
320	Khoa Điện	0704183	Trang bị điện 1	2.0	JC5087-Trang bị điện	
321	Khoa Điện	0704184	Trang bị điện 2	2.0	JC5087-Trang bị điện	
322	Khoa Điện	0704190	Vận hành, sửa chữa máy và thiết bị lanh	2.0	EE5040	
323	Khoa Điện	EE5002	Bơm, quạt, máy nén	2.0	EE5044	
324	Khoa Điện	EE5008	Đo lường và cảm biến	2.0	EE6032-Kỹ thuật đo lường và cảm biến	
325	Khoa Điện	EE5031	Thực hành trang bị điện	2.0	JC5173-Thực hành trang bị điện	
326	Khoa Điện	EE5032	Thực hành truyền động điện	3.0	JC5093-Thực hành truyền đồng điện	
327	Khoa Điện	EE5036	Thực tập tốt nghiệp (KT Máy lạnh và ĐHKK)	8.0	EE5034	
328	Khoa Điện	EE5044	Bơm, quạt, máy nén	3.0	EE5002	
329	Khoa Kế toán Kiểm toán	119307	Kiểm soát nội bộ	3.0	AA6022; AA6043	
330	Khoa Kế toán Kiểm toán	119310	Phân tích và thẩm định dự án đầu tư	3.0	BM6055	
331	Khoa Kế toán Kiểm toán	119312	Kế toán hành chính sự nghiệp	3.0	AA6011	
332	Khoa Kế toán Kiểm toán	119316	Kế toán tài chính 3	2.0	AA6026	
333	Khoa Kế toán Kiểm toán	1103104	Kế toán công 2	2.0	AA6027	
334	Khoa Kế toán Kiểm toán	1103107	Kế toán quản trị 2	2.0	AA6069	
335	Khoa Kế toán Kiểm toán	1103116	Kế toán xuất nhập khẩu	2.0	AA6005	
336	Khoa Kế toán Kiểm toán	1103122	Phân tích báo cáo tài chính	3.0	AA6032	
337	Khoa Kế toán Kiểm toán	1103127	Chuyên đề kiểm toán	4.0	AA6044	

358	Khoa Kế toán Kiểm toán	1104116	Kế toán xuất nhập khẩu	2.0	AA6005	
359	Khoa Kế toán Kiểm toán	1104117	Kiểm soát nội bộ	2.0	AA6022; AA6043	
360	Khoa Kế toán Kiểm toán	1104120	Lý thuyết kiểm toán	3.0	AA6028	
361	Khoa Kế toán Kiểm toán	1104121	Nguyên lý kế toán	3.0	AA6030	
362	Khoa Kế toán Kiểm toán	1104122	Phân tích báo cáo tài chính	3.0	AA6032	
363	Khoa Kế toán Kiểm toán	1104123	Tổ chức công tác kế toán	2.0	AA6034	
364	Khoa Kế toán Kiểm toán	1104126	Thực tập tốt nghiệp	8.0	AA6038	
365	Khoa Kế toán Kiểm toán	1104128	Đồ án/ khóa luận tốt nghiệp (Ngành Kiểm toán)	5.0	AA6048	
366	Khoa Kế toán Kiểm toán	1104130	Kiểm toán hoạt động	3.0	AA6042	
367	Khoa Kế toán Kiểm toán	1104132	Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh	3.0	AA6033	
368	Khoa Kế toán Kiểm toán	1104133	Kiểm toán tài chính 1	3.0	AA6024	
369	Khoa Kế toán Kiểm toán	1104134	Kiểm toán tài chính 2	3.0	AA6041	
370	Khoa Kế toán Kiểm toán	1104138	Thực tập tốt nghiệp	8.0	AA6047	
371	Khoa Kế toán Kiểm toán	AA5001	Kế toán công	3.0	AA6011	
372	Khoa Kế toán Kiểm toán	AA5002	Kế toán doanh nghiệp 1	4.0	AA6017	
373	Khoa Kế toán Kiểm toán	AA5003	Kế toán doanh nghiệp 2	4.0	AA6018	
374	Khoa Kế toán Kiểm toán	AA5004	Kế toán quản trị	3.0	AA6014	
375	Khoa Kế toán Kiểm toán	AA5005	Kế toán trong doanh nghiệp thương mại	3.0	AA6003	
376	Khoa Kế toán Kiểm toán	AA5006	Kế toán và lập báo cáo thuế	3.0	AA6035	
377	Khoa Kế toán Kiểm toán	AA5007	Kỹ năng nghề nghiệp kế toán, kiểm toán	2.0	AA6006	

398	Khoa Khoa học cơ bản	1003107	Toán cao cấp 1	3.0	BS6001/Đại số tuyến tính	
399	Khoa Khoa học cơ bản	1003108	Toán cao cấp 2A	3.0	BS6002/Giải tích	
400	Khoa Khoa học cơ bản	1003109	Toán cao cấp 2C	3.0	BS6002/Giải tích	
401	Khoa Khoa học cơ bản	1004101	Hàm số biến số phức	2.0	BS6004/Toán kỹ thuật	
402	Khoa Khoa học cơ bản	1004103	Lý thuyết xác suất	2.0	BS6012/Lý thuyết xác suất	
403	Khoa Khoa học cơ bản	1004104	Mô hình toán kinh tế	3.0	BS6013/Mô hình toán	
404	Khoa Khoa học cơ bản	1004105	Phương pháp tính	2.0	BS6003/Phương pháp tính	
405	Khoa Khoa học cơ bản	1004106	Quy hoạch tuyến tính	2.0	BS6005/Quy hoạch tuyến tính	
406	Khoa Khoa học cơ bản	1004107	Toán cao cấp 1	3.0	BS6001/Đại số tuyến tính	
407	Khoa Khoa học cơ bản	1004110	Vật lý	4.0	BS6006/Vật lý 1	
408	Khoa Khoa học cơ bản	1004111	Xác suất thống kê	3.0	BS6008/Xác suất thống kê	
409	Khoa Khoa học cơ bản	1403114	Kỹ năng giao tiếp	2.0	BS6018	
410	Khoa Khoa học cơ bản	1403131	Tâm lý học du lịch	3.0	TO6055	
411	Khoa Khoa học cơ bản	1403132	Tâm lý học đại cương	2.0	BS6030	
412	Khoa Khoa học cơ bản	1403134	Tâm lý kinh doanh	2.0	TO6056	
413	Khoa Khoa học cơ bản	1403149	Xã hội học	2.0	TO6078	
414	Khoa Khoa học cơ bản	1403170	Tâm lý học lao động	3.0	TO6056	
415	Khoa Khoa học cơ bản	1403171	Tâm lý học quản lý	3.0	BS6031/Tâm lý học lao động	
416	Khoa Khoa học cơ bản	1404131	Tâm lý học du lịch	3.0	TO6055	
417	Khoa Khoa học cơ bản	1404132	Tâm lý học đại cương	2.0	BS6030	

438	Khoa Ngoại ngữ	1303161	Tiếng Anh Du lịch 4	5.0	FL6127	
439	Khoa Ngoại ngữ	1303162	Tiếng Anh Du lịch 5	5.0	FL6128; FL6359	
440	Khoa Ngoại ngữ	1303163	Tiếng Anh Du lịch	5.0	FL6129; FL6360	
441	Khoa Ngoại ngữ	1303164	Tiếng Anh Điện - Điện tử 1	5.0	FL6130	
442	Khoa Ngoại ngữ	1303165	Tiếng Anh Điện - Điện tử 2	5.0	FL6131	
443	Khoa Ngoại ngữ	1303166	Tiếng Anh Điện - Điện tử 3	5.0	FL6132	
444	Khoa Ngoại ngữ	1303167	Tiếng Anh Điện - Điện tử 4	5.0	FL6133	
445	Khoa Ngoại ngữ	1303168	Tiếng Anh Điện - Điện tử 5	5.0	FL6134: FL6357	
446	Khoa Ngoại ngữ	1303169	Tiếng Anh Điện - Điện tử	5.0	FL6135: FL6358	
447	Khoa Ngoại ngữ	1303170	Tiếng Anh Lễ tân khách sạn 1	5.0	FL6142	
448	Khoa Ngoại ngữ	1303171	Tiếng Anh Lễ tân khách sạn 2	5.0	FL6143	
449	Khoa Ngoại ngữ	1303172	Tiếng Anh Lễ tân khách sạn 3	5.0	FL6144	
450	Khoa Ngoại ngữ	1303173	Tiếng Anh Lễ tân khách sạn 4	5.0	FL6145	
451	Khoa Ngoại ngữ	1303174	Tiếng Anh Lễ tân khách sạn 5	5.0	FL6146; FL6361	
452	Khoa Ngoại ngữ	1303175	Tiếng Anh Lễ tân khách sạn	5.0	FL6147; FL6362	
453	Khoa Ngoại ngữ	1303176	Tiếng Anh Thương mại cơ bản 1	5.0	FL6160 (CDIO) 1303176 (TC thường)	
454	Khoa Ngoại ngữ	1303177	Tiếng Anh Thương mại cơ bản 2	5.0	FL6161 (CDIO) 1303177 (TC thường)	
455	Khoa Ngoại ngữ	1303178	Tiếng Anh Thương mại cơ bản 3	5.0	FL6162 (CDIO) 1303178 (TC thường)	
456	Khoa Ngoại ngữ	1303179	Tiếng Anh Thương mại cơ bản 4	5.0	FL6163 (CDIO) 1303179 (TC thường)	
457	Khoa Ngoại ngữ	1303180	Tiếng Anh Thương mại cơ bản 5	5.0	FL6164 1303180	

478	Khoa Ngoại ngữ	1303203	Tiếng Anh Hóa - Môi trường 2	5.0	FL6137 FL6166	
479	Khoa Ngoại ngữ	1303204	Tiếng Anh Hóa - Môi trường 3	5.0	FL6138 FL6167	
480	Khoa Ngoại ngữ	1303205	Tiếng Anh Hóa - Môi trường 4	5.0	FL6139 FL6168	
481	Khoa Ngoại ngữ	1303206	Tiếng Anh Hóa - Môi trường 5	5.0	FL6140, FL6351 FL6169, FL6353	
482	Khoa Ngoại ngữ	1303207	Tiếng Anh Hóa - Môi trường	5.0	FL6141, FL6352 FL6170, FL6354	
483	Khoa Ngoại ngữ	1303208	Tiếng Anh Ô tô 1	5.0	FL6154	
484	Khoa Ngoại ngữ	1303209	Tiếng Anh Ô tô 2	5.0	FL6155	
485	Khoa Ngoại ngữ	1303210	Tiếng Anh Ô tô 3	5.0	FL6156	
486	Khoa Ngoại ngữ	1303211	Tiếng Anh Ô tô 4	5.0	FL6157	
487	Khoa Ngoại ngữ	1303212	Tiếng Anh Ô tô 5	5.0	FL6347	
488	Khoa Ngoại ngữ	1303213	Tiếng Anh Ô tô	5.0	FL6159 FL6348	
489	Khoa Ngoại ngữ	1303214	Tiếng Anh Công nghệ thông tin 1	5.0	FL6089; 1303194 FL6090, 1303195:	
490	Khoa Ngoại ngữ	1303215	Tiếng Anh Công nghệ thông tin 2	5.0	FL6090; 1303195, FL6344 FL6090, 1303195	
491	Khoa Ngoại ngữ	1303216	Tiếng Anh Thương mại 1	5.0	FL6164 1303180 FL6345	
492	Khoa Ngoại ngữ	1303217	Tiếng Anh Thương mại 2	5.0	FL6165 , 1303181 FL6346	
493	Khoa Ngoại ngữ	1303102	Đọc - viết 1	4.0	FL6010 & FL6048	Chưa cập nhật
494	Khoa Ngoại ngữ	1303103	Đọc - viết 2	4.0	FL6011 & FL6049	Chưa cập nhật
495	Khoa Ngoại ngữ	1303104	Đọc - viết 3	4.0	FL6012 & FL6050	Chưa cập nhật
496	Khoa Ngoại ngữ	1303105	Đọc - viết 4	4.0	FL6013 & FL6051	Chưa cập nhật
497	Khoa Ngoại ngữ	1303106	Đọc - viết 5	4.0	FL6014 & FL6052	Chưa cập nhật

518	Khoa Quản lý kinh doanh	1403151	Công tác văn phòng	3.0	BM6144	
519	Khoa Quản lý kinh doanh	1403152	Công tác văn thư lưu trữ trong cơ quan Đảng	2.0	BM6156	
520	Khoa Quản lý kinh doanh	1403153	Công tác văn thư lưu trữ trong doanh nghiệp	2.0	BM6157	
521	Khoa Quản lý kinh doanh	1403154	Đánh giá thực hiện công việc văn phòng	2.0	BM6129; 1603167	
522	Khoa Quản lý kinh doanh	1403155	Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực văn phòng	3.0	BM6128; 1603168	
523	Khoa Quản lý kinh doanh	1403156	Đồ án/ khóa luận tốt nghiệp (Ngành Quản trị văn phòng)	7.0	BM6159	
524	Khoa Quản lý kinh doanh	1403158	Hành chính học đại cương	2.0	BM6147	
525	Khoa Quản lý kinh doanh	1403159	Hệ thống thông tin quản lý	3.0	BM6015; BM6150	
526	Khoa Quản lý kinh doanh	1403161	Kỹ năng quản lý và giải quyết xung đột	3.0	BM6118	
527	Khoa Quản lý kinh doanh	1403166	Nghiệp vụ thư ký văn phòng	3.0	BM6152	
528	Khoa Quản lý kinh doanh	1403167	Nghiệp vụ văn thư	3.0	BM6156; BM6157	
529	Khoa Quản lý kinh doanh	1403168	Quản lý hành chính Nhà nước	2.0	BM6155	
530	Khoa Quản lý kinh doanh	1403169	Quản trị văn phòng trên máy tính	3.0	BM6151; 1603232	
531	Khoa Quản lý kinh doanh	1403172	Tổ chức lao động và thiết bị văn phòng	3.0	BM6154	
532	Khoa Quản lý kinh doanh	1403173	Tổ chức và sử dụng tài liệu lưu trữ	3.0	BM6157; BM6156	
533	Khoa Quản lý kinh doanh	1403174	Thiết kế và phân tích công việc văn phòng	3.0	BM6123; 1603181	
534	Khoa Quản lý kinh doanh	1403175	Thực tập tốt nghiệp	8.0	BM6158	
535	Khoa Quản lý kinh doanh	1403182	Thực tập cơ sở ngành	2.0	BM6145	
536	Khoa Quản lý kinh doanh	1603101	Chiến lược kinh doanh	4.0	BM6052; BM6108	
537	Khoa Quản lý kinh doanh	1603102	Dự toán ngân sách doanh nghiệp	4.0	BM6010	

558	Khoa Quản lý kinh doanh	1603128	Ngân hàng Trung ương	3.0	BM6041	
559	Khoa Quản lý kinh doanh	1603129	Nghiệp vụ kinh doanh ngân hàng	4.0	BM6040	
560	Khoa Quản lý kinh doanh	1603131	Phân tích đầu tư chứng khoán	3.0	BM6044	
561	Khoa Quản lý kinh doanh	1603133	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3.0	BM6045	
562	Khoa Quản lý kinh doanh	1603135	Quản lý danh mục đầu tư	2.0	BM6048	
563	Khoa Quản lý kinh doanh	1603136	Quản trị chất lượng	3.0	BM6051	
564	Khoa Quản lý kinh doanh	1603137	Quản trị doanh nghiệp	3.0	BM6054	
565	Khoa Quản lý kinh doanh	1603138	Quản trị học	3.0	BM6057	
566	Khoa Quản lý kinh doanh	1603139	Quản trị Marketing	4.0	BM6058	
567	Khoa Quản lý kinh doanh	1603140	Quản trị nhân lực	4.0	BM6059	
568	Khoa Quản lý kinh doanh	1603141	Quản trị sản xuất	4.0	BM6063	
569	Khoa Quản lý kinh doanh	1603142	Quản trị văn phòng	2.0	BM6144	
570	Khoa Quản lý kinh doanh	1603143	Tài chính công	3.0	BM6066	
571	Khoa Quản lý kinh doanh	1603144	Tài chính doanh nghiệp	3.0	BM6064	
572	Khoa Quản lý kinh doanh	1603145	Tài chính doanh nghiệp 1	4.0	BM6067	
573	Khoa Quản lý kinh doanh	1603146	Tài chính doanh nghiệp 2	4.0	BM6068	
574	Khoa Quản lý kinh doanh	1603147	Tài chính quốc tế	3.0	BM6070	
575	Khoa Quản lý kinh doanh	1603148	Tài chính tiền tệ	3.0	BM6035	
576	Khoa Quản lý kinh doanh	1603149	Tin học quản lý tài chính	3.0	BM6072	
577	Khoa Quản lý kinh doanh	1603150	Tin quản trị	4.0	BM6071	

598	Khoa Quản lý kinh doanh	1603177	Quan hệ lao động	2.0	BM6131	
599	Khoa Quản lý kinh doanh	1603178	Quản trị nhân lực đại cương	4.0	BM6121	
600	Khoa Quản lý kinh doanh	1603179	Tin học ứng dụng trong quản trị nhân lực	4.0	BM6124	
601	Khoa Quản lý kinh doanh	1603180	Tuyển dụng nguồn nhân lực	3.0	BM6127	
602	Khoa Quản lý kinh doanh	1603181	Thiết kế và phân tích công việc	3.0	BM6123	
603	Khoa Quản lý kinh doanh	1603182	Thù lao và phúc lợi	3.0	BM6130	
604	Khoa Quản lý kinh doanh	1603183	Thực tập cơ sở ngành	4.0	BM6125	
605	Khoa Quản lý kinh doanh	1603185	Xác định rủi ro và áp dụng quy trình xử lý rủi ro	3.0	BM6061	
606	Khoa Quản lý kinh doanh	1603186	E - Marketing	3.0	BM6009	
607	Khoa Quản lý kinh doanh	1603192	Quản trị danh mục sản phẩm	2.0	1603196	
608	Khoa Quản lý kinh doanh	1603197	Quản trị thương hiệu	3.0	BM6065	
609	Khoa Quản lý kinh doanh	1603198	Quản trị truyên thông marketing tích hợp	3.0	BM6086	
610	Khoa Quản lý kinh doanh	1603200	Tổ chức sự kiện thời trang	2.0	GF6033	
611	Khoa Quản lý kinh doanh	1603212	Kinh tế phát triển	3.0	BM6023	
612	Khoa Quản lý kinh doanh	1603213	Kinh tế thương mại và dịch vụ	3.0	BM6007	
613	Khoa Quản lý kinh doanh	1603214	Kinh tế và quản lý công nghiệp	3.0	BM6005	
614	Khoa Quản lý kinh doanh	1603216	Kỹ năng ra quyết định	2.0	BM6027	
615	Khoa Quản lý kinh doanh	1603219	Kỹ năng đàm phán và ký kêt hợp đông kinh tế	2.0	BM6026	
616	Khoa Quản lý kinh doanh	1603224	Quản trị rủi ro	3.0	BM6061	
617	Khoa Quản lý kinh doanh	1603230	Lập kế hoạch nghề nghiệp	3.0	BM6031; BM6028	

638	Khoa Quản lý kinh doanh	1604135	Quản lý danh mục đầu tư	2.0	BM6048; 1603135	
639	Khoa Quản lý kinh doanh	1604136	Quản trị chất lượng	3.0	BM6051; 1603136	
640	Khoa Quản lý kinh doanh	1604137	Quản trị doanh nghiệp	3.0	1603137; BM6054	
641	Khoa Quản lý kinh doanh	1604138	Quản trị học	3.0	1603138; BM6057	
642	Khoa Quản lý kinh doanh	1604139	Quản trị Marketing	4.0	1603139; BM6058	
643	Khoa Quản lý kinh doanh	1604140	Quản trị nhân lực	4.0	1603140; BM6059	
644	Khoa Quản lý kinh doanh	1604141	Quản trị sản xuất	4.0	1603141; BM6063	
645	Khoa Quản lý kinh doanh	1604142	Quản trị văn phòng	2.0	1603142; BM6144	
646	Khoa Quản lý kinh doanh	1604143	Tài chính công	3.0	1603143; BM6066	
647	Khoa Quản lý kinh doanh	1604144	Tài chính doanh nghiệp	3.0	1603144; BM6064	
648	Khoa Quản lý kinh doanh	1604145	Tài chính doanh nghiệp 1	4.0	1603145; BM6067	
649	Khoa Quản lý kinh doanh	1604147	Tài chính quốc tế	3.0	1603147; BM6070	
650	Khoa Quản lý kinh doanh	1604148	Tài chính tiền tệ	3.0	1603148; BM6035	
651	Khoa Quản lý kinh doanh	1604149	Tin học quản lý tài chính	3.0	1603149; BM6072	
652	Khoa Quản lý kinh doanh	1604150	Tin quản trị	4.0	1603150; BM6071	
653	Khoa Quản lý kinh doanh	1604151	Toán tài chính	3.0	1603151; BM6073	
654	Khoa Quản lý kinh doanh	1604152	Tổ chức và quản lý sản xuất	2.0	1603152; 1604152	
655	Khoa Quản lý kinh doanh	1604153	Thanh toán quốc tế	3.0	1603153; BM6074	
656	Khoa Quản lý kinh doanh	1604155	Thị trường chứng khoán	3.0	1603155; BM6075	
657	Khoa Quản lý kinh doanh	1604156	Thống kê doanh nghiệp	4.0	1603156; BM6077	

678	Khoa Quản lý kinh doanh	1693104	Lý thuyết quản trị kinh doanh	4.0	BM6034	
679	Khoa Quản lý kinh doanh	BM5001	Kinh tế vi mô	3.0	BM6021	
680	Khoa Quản lý kinh doanh	BM5002	Lý thuyết thống kê	3.0	BM6036	
681	Khoa Quản lý kinh doanh	BM5003	Tài chính doanh nghiệp	4.0	BM6064	
682	Khoa Quản lý kinh doanh	BM5004	Tài chính tiền tệ	3.0	BM6036	
683	Khoa Quản lý kinh doanh	BM5005	Thị trường chứng khoán	3.0	BM6075	
684	Trung tâm Công nghệ Ô tô và Đào tạo lái xe	AT5018	Hệ thống điều hòa trên ô tô	2.0	AT5038	
685	Trung tâm Công nghệ Ô tô và Đào tạo lái xe	AT5029	Kết cấu động cơ	2.0	AT5019	
686	Trung tâm Công nghệ Ô tô và Đào tạo lái xe	AT5030	Kết cấu ô tô	2.0	AT5020	
687	Trung tâm Công nghệ Ô tô và Đào tạo lái xe	AT5031	Sửa chữa, bảo dưỡng động cơ 2	3.0	AT5022	
688	Trung tâm Công nghệ Ô tô và Đào tạo lái xe	AT5032	Trang bị điện ô tô	2.0	AT5028	
689	Trung tâm Công nghệ Ô tô và Đào tạo lái xe	AT5033	Sửa chữa, bảo dưỡng gầm ô tô 2	3.0	AT5024	
690	Trung tâm Công nghệ Ô tô và Đào tạo lái xe	AT5034	Thực hành thân vỏ T-TEP	4.0	AT5039	
691	Trung tâm Công nghệ Ô tô và Đào tạo lái xe	AT5035	Thực hành Kỹ thuật sơn ô tô	3.0	AT5039	
692	Trung tâm Cơ khí	0103169	Thực hành gia công áp lực	4.0	MC 5013	
693	Trung tâm Cơ khí	0104171	Thực hành Sửa chữa	4.0	MC5030	
694	Trung tâm Cơ khí	2303101	Thực hành cắt gọt 1	2.0	MC6001	
695	Trung tâm Cơ khí	2303102	Thực hành cắt gọt 2	4.0	MC6002	
696	Trung tâm Cơ khí	2303103	Thực hành cơ khí cơ bản	2.0	MC6003	
697	Trung tâm Cơ khí	2303104	Thực hành Nguội	2.0	MC6004	

718	Trung tâm Cơ khí	MC5024	Thực tập cơ bản nghề (Vẽ và thiết kết trên máy tính)	3.0	ME5032	
719	Trung tâm Cơ khí	MC5032	Công nghệ chế tạo máy	3.0	JC 5214	
720	Trung tâm Cơ khí	MC5036	Bảo trì máy CNC	3.0	ME5033	
721	Trung tâm Cơ khí	MC5038	Thực hành cơ bản Nguội	2.0	MC6004	
722	Trung tâm Quốc Phòng - An ninh	0903101	Công tác quốc phòng, an ninh	2.0	DC6005	
723	Trung tâm Quốc Phòng - An ninh	0903102	Đường lối quân sự của Đảng	3.0	DC6004	
724	Trung tâm Quốc Phòng - An ninh	0904101	Công tác quốc phòng, an ninh	2.0	DC6005	
725	Trung tâm Quốc Phòng - An ninh	0904102	Đường lối quân sự của Đảng	3.0	DC6004	
726	Trung tâm Quốc Phòng - An ninh	0903108	Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	3.0	DC6006 + DC 6007	Chưa cập nhật
727	Trung tâm Quốc Phòng - An ninh	0904108	Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	3.0	DC6006 + DC 6007	Chưa cập nhật
728	Trung tâm Quốc Phòng - An ninh	DC5001	Giáo dục quốc phòng - An ninh	4.0	DC5001QP1 + DC5001QP2	Chưa cập nhật
729	Trung tâm Việt Nhật	JC5004	Cơ sở cắt gọt kim loại	2.0	JC5213 Cơ sở cắt gọt kim loại	
730	Trung tâm Việt Nhật	JC5007	Điện gia dụng	2.0	JC5193 Điện gia dụng	
731	Trung tâm Việt Nhật	JC5021	Kỹ thuật cảm biến	3.0	JC5130 Kỹ thuật cảm biến; JC5199 Kĩ thuật cảm biến	
732	Trung tâm Việt Nhật	JC5022	Kỹ thuật chuyên môn Tiện, phay	3.0	JC5207 Kỹ thuật chuyên môn Tiện Phay	
733	Trung tâm Việt Nhật	JC5023	Kỹ thuật điện	2.0	JC5110 Kỹ thuật điện	
734	Trung tâm Việt Nhật	JC5025	Kỹ thuật điện tử	4.0	JC5036 Linh kiện điện tử	
735	Trung tâm Việt Nhật	JC5027	Kỹ thuật điều khiển tuần tự	4.0	JC5132 Kĩ thuật điều khiển tuần tự	
736	Trung tâm Việt Nhật	JC5031	Kỹ thuật lập trình	3.0	JC5134 Kĩ thuật lập trình trong điện tử	
737	Trung tâm Việt Nhật	JC5033	Khí cụ điện	2.0	JC5026 Khí cụ điện	

758	Trung tâm Việt Nhật	JC5166	Thực hành lập trình ứng dụng PLC và thiết kế màn hình giám sát HMI	5.0	JC5220 TH PLC và thiết kế màn hình giám sát HMI	
759	Trung tâm Việt Nhật	JC5167	Thực hành mạch điện	2.0	JC5196 Thực hành mạch điện	
760	Trung tâm Việt Nhật	JC5169	Thực hành mạng PLC và Truyền thông	3.0	TH Mạng truyên thông công nghiệp-JC5203	
761	Trung tâm Việt Nhật	JC5173	Thực hành trang bị điện	2.0	JC5190 Kỹ thuật sửa chữa mạch điên	
762	Trung tâm Việt Nhật	JC5174	Thực hành vi điều khiển	4.0	JC5200 Thực hành vi điều khiển	
763	Trung tâm Việt Nhật	JC5183	Ứng dụng PLC và thiết kế màn hình giám sát HMI	3.0	JC5191 PLC	
764	Trung tâm Việt Nhật	JC5187	CAD trong điện tử	3.0	JC5146 Thiết kế mạch điện tử bằng máy tính	
765	Trung tâm Việt Nhật	JC5188	Mạng truyền thông công nghiệp	3.0	JC5203 TH Mạng truyên thông công nghiệp	
766	Khoa Quản lý kinh doanh	1603184	Thực tập tốt nghiệp	8.0	BM6141	BS 05/05/2022
767	Khoa Quản lý kinh doanh	1603231	Thực tập cơ sở ngành	4.0	BM6145	BS 05/05/2022
768	Khoa Quản lý kinh doanh	1603160	Thực tập tốt nghiệp	8.0	BM6083	BS 05/05/2022
769	Khoa Quản lý kinh doanh	1603170	Đồ án/ khóa luận tốt nghiệp (ngành Quản trị nhân lực)	7.0	BM6142	BS 05/05/2022
770	Trung tâm Việt Nhật	JC5012	Điều khiển lập trình PLC	5	JC5165	BS 11/05/2022